

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 03-7-2026
“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Thắng.
2. Ông Nguyễn Văn Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Đức Bình, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Giang Tấn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2026, về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 319/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lương Kiều T**, sinh ngày 15/10/1982.

Số căn cước công dân: *****

Địa chỉ: Khu V, phường M, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông **Đoàn Việt K**, sinh ngày 15/5/1980.

Số căn cước công dân: *****

Địa chỉ: Khu V, phường M, thành phố Cần Thơ.

(Các đương sự có đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 11/3/2026 và các tài liệu, chứng cứ, nguyên đơn bà Lương Kiều T trình bày: Bà và ông Đoàn Việt K tự nguyện sống chung, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 06/9/2011 tại UBND xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay là UBND phường M, thành phố Cần Thơ). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong lối sống,

thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với nhau. Bà cảm thấy cuộc sống không còn hạnh phúc, nên muốn được trả tự do.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Đoàn Việt K.

Về con chung thì giữa bà và ông K có 03 người con chung tên Đoàn Huỳnh N, sinh ngày 10/10/2006 đã đủ 18 tuổi; Đoàn Trọng K1, sinh ngày 17/4/2013 và Đoàn Trọng K2, sinh ngày 06/12/2014 đang sống chung với bà và ông K. Bà yêu cầu được nuôi con chung Trọng Khôi và T, không yêu cầu ông K cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng: Bà K3 yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Đoàn Việt K vắng mặt, quá trình giải quyết có lời khai: Ông và bà Lương Kiều T biết nhau qua mai mối, sau đó tự tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân. Có thực hiện đăng ký kết hôn tại UBND xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng nay là UBND phường M, thành phố Cần Thơ. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng về sau thì vợ chồng có nhiều khác biệt trong lối sống, cách suy nghĩ nên vợ chồng không còn tiếng nói chung, tình cảm không còn như trước và đã nhiều lần hằn gấn không thành, hiện vợ chồng không còn sống chung với nhau. Đối với 03 người con chung tên Đoàn Huỳnh N, sinh ngày 10/10/2006; Đoàn Trọng K1, sinh ngày 17/4/2013 và Đoàn Trọng K2, sinh ngày 06/12/2014 đang sống chung với bà T. Theo yêu cầu khởi kiện của bà T, ông đồng ý ly hôn và giao 02 người con chung Trọng Khôi, Trọng K2 cho bà T nuôi dưỡng. Ông không cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu giải quyết các vấn đề về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung thì bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông K và được nuôi hai người con chung Trọng K1, Trọng K2. Đối với ông K đồng ý ly hôn và giao con chung cho bà T nuôi dưỡng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T và công nhận thuận tình ly hôn giữa bà T với ông K, đồng thời giao con chung cho bà T nuôi dưỡng là đúng nguyện vọng của con chung và yêu cầu của bà T. Các vấn đề về cấp dưỡng cho con, tài sản chung và nợ chung không có yêu cầu, do đó đề nghị không đặt ra xem xét. Do thuận tình ly hôn, nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và hướng dẫn tại khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Lương Kiều T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại phường M, thành phố Cần Thơ nên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho

đương sự, nguyên đơn và bị đơn đều có đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà Lương Kiều T và ông Đoàn Việt K tự nguyện kết hôn, làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng nay là UBND phường M, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, bà T có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Ông K đã được thông báo về yêu cầu khởi kiện của bà T và đồng ý tự nguyện ly hôn. Vì vậy, theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà T và ông K.

[3] Về con chung: Theo bà Lương Kiều T và ông Đoàn Việt K xác định có 03 người con chung tên Đoàn Huỳnh N, sinh ngày 10/10/2006 đã đủ 18 tuổi; Đoàn Trọng K1, sinh ngày 17/4/2013 và Đoàn Trọng K2, sinh ngày 06/12/2014. Nhận thấy con chung Trọng Khôi và Trọng K2 chưa đủ tuổi 18 tuổi, bà T yêu cầu nuôi là phù hợp với nguyện vọng của con chung và ý kiến của ông K, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng cho con, tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Do các đương sự thuận tình ly hôn, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và hướng dẫn tại khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao thì các đương sự phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu ly hôn.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Lương Kiều T và ông Đoàn Việt K.

2. Về con chung: Giao bà Lương Kiều T được nuôi dưỡng con chung với ông Đoàn Việt K là Đoàn Trọng K1, sinh ngày 17/4/2013 và Đoàn Trọng K2, sinh ngày 06/12/2014 đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Đoàn Việt K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung và không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng cho con, tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Bà Lương Kiều T và ông Đoàn Việt K mỗi người phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn là 75.000 đồng. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp, bà Lương Kiều T đã nộp xong và được hoàn trả số tiền tạm ứng còn dư là 225.000 đồng theo biên lai thu số 0009378 ngày 12/5/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- UBND phường Mỹ Quới,
Thành phố Cần Thơ.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai